

# TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ

(1230-1291)



## **Tỳ Kheo Thích Chơn Thiện**

(Theo "Thơ Văn Lý Trần", Tập II, nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội - Hà Nội, 1989; và "Việt Nam Phật Giáo Sử Luận", Nguyễn Lang, Tập I, nhà xuất bản Văn Học - Hà Nội, 1994)

---o0o---

*Nguồn*

*<http://www.thuvienhoasen.org>*

*Chuyển sang ebook 7-6-2009*

*Người thực hiện : Nam Thiên – [namthien@gmail.com](mailto:namthien@gmail.com)*

*[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)*

## Mục Lục

### I. Tiểu sử

### II. Tư tưởng Phật học của Thượng Sĩ

1. Tông chỉ Thiền của Thượng Sĩ
2. Ca tụng đạo học của Thánh Tông
3. Khuyên người đời đến với Phật pháp
4. Khuyên người học đạo (đã đến với đạo và đang hành giải thoát)
5. Gọi bảo mọi người (Thị Chúng) :(ibid.,tr.231-232)
6. Gọi bảo người học đạo (Thị học)
7. Thoát đời (Thoát thế) (ibid.,tr.243)
8. Tụ tại (ibid.;tr.241)
9. Phàm Thánh chẳng khác nhau (Phàm Thánh bất dị) (ibid.;tr.285)
10. Bài ca Tâm và Phật (Phật Tâm ca, ibid.;tr.271)
11. Sống, Chết là lẽ thường (Sinh tử nhân nhi dĩ: ibid.;tr. 282-284) :

### III - Kết luận về con đường Phật học của Thượng Sĩ

-----

## I. Tiểu sử

Thượng Sĩ tên thật là Trần Tung, con cả của Trần Liễu, sinh năm 1230; anh ruột của Hưng Đạo Đại Vương và Hoàng hậu Nguyên Thánh Thiên Cảm - vợ của Trần Thánh Tông.

Thượng Sĩ tham gia chống giặc Nguyên Mông, tích cực ở cả ba trận chiến (1257, 1285 và 1288). Sau ngày kháng chiến thắng lợi, Thượng Sĩ được phong Tiết Độ Sứ, trấn giữ Thái Bình. Sau đó không lâu, Thượng Sĩ lui về Dưỡng Chân Trang tham cứu Phật học và hành sâu giải thoát.

Từ trẻ, Thượng Sĩ học đạo dưới sự dẫn dắt của thiền sư Tiêu Dao; thực hành giải thoát tâm trong đời sống gia đình, hình thức cư sĩ, vừa đảm trách các công việc xã hội mà triều đình giao phó. Thượng Sĩ được vua Thánh Tông với kiến thức uyên bác về nội và ngoại điển nể vì, tôn làm đạo huynh, và được vua Trần Nhân Tông thờ làm đạo giải thoát. Sinh tiền, Thượng Sĩ sáng tác nhiều thi, kệ; một số được kết tập trong "Thượng Sĩ Ngữ Lục" rất thời danh. Người đã sống hiên ngang, mãnh liệt mà tự tại, hào sảng với phong thái của một đại thiền sư Việt Nam. Người tịch vào năm 1291, làm chủ thời điểm xả báo thân.

---o0o---

## II. Tư tưởng Phật học của Thượng Sĩ

Thượng Sĩ sống đời sống dung tục, chỉ có Thánh Tông, Nhân Tông và các bậc thạc đức trong rừng Thiền mới biết chiêm ngưỡng tâm giải thoát và tuệ giải thoát của Người. Bài biên khảo này sẽ đi vào tìm hiểu vườn Thiền của Người qua một số nét hương sắc Người để lại trong các thi kệ trong "Thơ Văn Lý Trần" và "Việt Nam Phật Giáo Sử Luận".

---o0o---

### 1. Tông chỉ Thiền của Thượng Sĩ

Đây cũng là tông chỉ của thiền Tiêu Dao và thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Tông chỉ ở đây thực sự là bí quyết quyết định công phu đi vào Tâm và Tuệ giải thoát.

Một hôm, Nhân Tông hỏi Người về tông chỉ ấy, Người bảo : "Hãy quay về tự thân mà tìm lấy tông chỉ ấy, không thể đạt từ ai khác".

Quay về tự thân mà tìm lấy tông chỉ là ý nghĩa tự mình trở về chính mình để khơi dậy tâm và tuệ giải thoát vốn có ở tâm mình. Từ Kinh tạng Nikàya, đức Phật dạy hãy trở về nương tựa mình và nương tựa pháp: một Tỷ kheo nương tựa mình và nương tựa pháp là Tỷ kheo hành Tứ niệm xứ. Hành Tứ niệm xứ là công phu khơi dậy tâm và tuệ giải thoát sẵn có ở tâm mình. Như thế, tông chỉ thiên mà Thượng Sĩ trao truyền cho Nhân Tông là hoàn toàn phù hợp với lời dạy tinh yếu của đức Gotama được kiết tập ở kinh tạng Nikàya (Pàli Text Society).

Thời đức Phật, các tăng sĩ tìm về tông chỉ nói trên trong nếp sống xuất thế; các cư sĩ thì tìm về tông chỉ ở đời sống gia đình, xã hội. Thời Trần, ở Việt Nam, Ứng Thuận - thầy truyền đạo cho tăng sĩ Tiêu Diêu, quốc sư Nhất Tông, thiền sư Giới Ninh và Giới Viên - là một cư sĩ tại gia như Tuệ Trung : thế là việc trở về với tâm và tuệ giải thoát ở Việt Nam cũng như dưới thời đức Phật đều có thể thực hiện trong nếp sống xuất thế hay nhập thế, tùy duyên. Điều đặc biệt ở Việt Nam là Tuệ Trung là một thiền sư vừa làm tướng cầm quân chống giặc Nguyên; vua Lý Thánh Tông, Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông thì vừa làm vua vừa làm thiền sư , vua Nhân Tông thì vừa làm vua vừa làm thiền sư lúc tại gia và lúc xuất gia, rất tùy duyên, không câu nệ. Sẽ không còn nghi ngờ hay ngạc nhiên, nếu ta nhìn thẳng vào thực chất của công phu cá nhân soi mình để đạt được tâm và tuệ giải thoát ấy: *đó là công phu nhìn thấy rõ cái hư ngã của "Ngũ thủ uẩn"* ; do từ cái thấy đó mà hành giả tự động buông xả hết tham vọng tâm - dục vọng; tham ái về sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; chấp ngã; và các tâm lý tiêu cực phát sinh từ tham ái và chấp ngã ấy - tự động đến với tâm và tuệ giải thoát. Đây quả là nội dung chứng đắc của các thiền sư Việt Nam thời Lý, Trần, và chính đây là sức mạnh tâm lý - hay có thể gọi là sức mạnh tinh thần, hoặc sức mạnh tâm linh - tạo nên các thành quả lịch sử to lớn của Lý, Trần.

---o0o---

## ***2. Ca tụng đạo học của Thánh Tông***

Sinh tiền, Thánh Tông thường hội cùng các thiền sư danh tiếng và Thượng Sĩ đàm đạo, bàn đến các điểm uyên áo của Phật pháp. Từ các lời, ý tán thán cái tâm cái tuệ của Thánh Tông, ta có thể hình dung được sự thật rằng Thượng Sĩ đã làm chủ gia tài giải thoát của tâm thức mình:

***Tụng Thánh Tông đạo học***

*" Thánh học cao minh đạt cổ kim,  
Thiết nhiên long tạng quán hoa tâm.  
Thích phong ký đắc khai quyền bảo,  
Tổ ý tương vô thấu thủy châm.  
Trí bạt thiên quan thông Thiếu thất,  
Tình siêu giáo hải khóa Uy-Âm.  
Nhân gian chỉ kiến thiên sơn tú,  
Thùy thính viên đề thâm xứ thâm"*

(Ibid.tr.254)

Trúc Thiên dịch: (tr.254)

*" Thánh học cao vời suốt cổ kim,  
Kho rỗng riêng thấu tận gan tim.  
Phật phong: được báu trong tay mở,  
Tổ ý: nhìn kim đáy nước chìm.  
Trí bạt cửa thiên thông Thiếu thất,  
Tình sâu biển giáo át Uy Âm.  
Người đời chỉ thấy non sông đẹp,  
Ai lắng hang sâu tiếng vọng trầm"*

Qua bài Đường luật này, Thượng Sĩ xác nhận Thánh Tông đã nắm vững lời Phật, ý Tổ, nắm chắc cốt tủy của Phật pháp. Người mà xác nhận được sở đắc của người khác thì sở đắc có thể còn cao hơn: sinh thời, Thánh Tông kính nể sở học, sở đắc của Thượng Sĩ. Nay thử lần lượt tìm hiểu các dấu vết biểu hiện sở đắc kia của Thượng Sĩ.

---o0o---

### **3. Khuyên người đời đến với Phật pháp**

#### **Khuyến thế tiến đạo**

*" Từ tự tuàn hoàn xuân phục thu  
Xâm xâm dĩ lão thiếu niên đầu.  
Vinh hoa, chẳng có nhất trường mộng,  
Tuế nguyệt, không hoài vạn học sầu.  
Khổ thú luân hồi như chuyển cốc,  
Ái hà xuất một đặng phù ôu."*

*Phùng trường diệp bất mô lai tị,  
Vô hạn lương duyên chỉ má hưu"*

(Ibid.tr.264)

Huệ Chi dịch (tr.264):

*" Năm tháng xoay vần, xuân đến thu,  
Xăm xăm tuổi trẻ đã phơ đầu.  
Giàu sang, mắt lóa cơn trường mộng,  
Tuổi tác, lòng đong vạn học sâu.  
Nẻo "khổ", bánh xe luân chuyển khắp,  
Sông "yêu", bọt nước nổi chìm mau.  
Mãi vui nên chẳng tìm ra gốc,  
Nghìn thuở lương duyên chẳng đến đâu"*

Thấy rõ người đời không ai tránh khỏi khổ: cái khổ do vô thường gây ra: khổ già, khổ bệnh, khổ vì những gì ưa thích lại vội vã ra đi, những gì ghét bỏ thì cứ lao mình đến, tình người thì lăm đổi thay, càng ham sống thì càng thất vọng lớn, con đường trước mặt sau lưng đều mờ mịt..., Thượng Sĩ đã nhắc nhở người đời rằng thức tỉnh thì liền thấy cảnh giới an nhàn, hạnh phúc mình mong tìm từ nơi sự tỉnh thức: càng muốn thỏa mãn các ham muốn trần thế thì càng muốn nhiều hơn và càng thất vọng nhiều hơn; biết dừng lại, biết tiết chế, biết chế ngự các ham muốn vị kỷ thì càng dễ tiếp cận với hạnh phúc. Đến với sự thức tỉnh đó là đến với Phật pháp rồi vậy. Bây giờ hành giả vẫn tiếp tục cuộc hành trình vô thường mà lòng thì thấy như khắp chốn đều nở hoa, như Thượng Sĩ đã từng:

### **Dưỡng Chân**

*" ... Thiên thanh vạn thúy mê hương quốc,  
Hải giác thiên đầu thị dưỡng chân".*

(ibid.,tr.226

)

Đỗ văn Hỷ dịch tr,226

*(" Muôn tíá ngàn xanh tràn đất nước  
Chân trời góc biển dưỡng tình ta")*

#### 4. Khuyên người học đạo (đã đến với đạo và đang hành giải thoát)

##### Thị Chúng

*" Huru tầm Thiểu thất với Tào Khê,  
Thể tính minh minh vị hữu mê.  
Cổ nguyệt chiếu phi quan viễn cận,  
Thiên phong xuy bất giản cao đê.  
Thu quang hắc bạch tùy duyên sắc,  
Liên nhị hồng hương bất trước nê.  
Diệu khúc bản lai tu cử xướng,  
Mạc tâm Nam Bắc dữ Đông Tê (Tây)"*

(ibid.tr. 265)

Huệ Chi dịch:

*" Thôi tìm núi Thiểu với khe Tào,  
Tính sáng chưa mê lẫn chút nào.  
Há quản gần xa, trăng cứ dọi,  
Lo gì cao thấp, gió đều xao.  
Thu trong, biếc hẳn tùy duyên sắc,  
Sen ngát, hồng đâu bởi nước ao.  
Khúc diệu "gốc nguồn" xin cứ hát,  
Bốn phương thôi chớ hỏi nơi nao"*

(ibid. tr;265)

Khi đã tỉnh thức đến với đạo, hành giả tiếp tục an trú, phát huy sự tỉnh thức ấy: kinh điển, lời Phật, ý Tổ chỉ là sự đánh thức và chỉ hướng, hành giả hà tất phải nhờ cậy đến Đạt Ma (Thiểu Thất) và Lục Tổ (Khe Tào), do bởi tánh sáng vốn có nơi tâm mình, vốn ở nơi tâm mình, các Tổ không giúp gì được nhiều hơn trong việc khơi dậy mạnh mẽ tánh sáng ấy. Kinh nghiệm tâm linh của Thượng Sĩ đã hiện rõ: khổ, vui đều do mỗi người tự định; mê thì khổ, ngộ thì vui, há do thời tiết bốn mùa hay những đổi thay của cuộc sống; có thể sống ở đời mà vui với đạo như Nhân Tông đã cảm tác trong "Cư trần lạc đạo phú": ngộ thì hạnh phúc có mặt khắp nơi, tánh sáng của tâm hiện diện khắp chốn: "Khúc diệu gốc nguồn xin cứ hát, Bốn phương thôi chớ hỏi nơi nao".

### **5. Gọi bảo mọi người (Thị Chúng) :(ibid.,tr.231-232)**

Để giúp người đời an trú trong tâm và tuệ giải thoát, an trú vững chắc hơn, cao hơn, tốt cùng đến bến bờ giải thoát, Thượng sĩ bảo:

*" Thế gian nghi vọng bất nghi chân,  
Chân vọng chi tâm diệc thị trần  
Yếu đắc nhất cao siêu bỉ ngạn,  
Hiếu tham đồng tử hiện tiền nhân"*

(ibid.,tr.231)

Huệ Chi dịch:

*" "Dối" ưa, "thực" ghét, ấy trò đời,  
Thực, dối tâm kia bụi cả thôi.  
Muốn nhảy cho cao, sang bến nọ,  
Hỏi xem con trẻ, có như lời?"*

(ibid.;tr.232)

Tại đây, Thượng Sĩ minh định thêm một lần nữa:

- Thói đời, tập quán sống của người đời là hưởng thụ, thỏa mãn lòng dục, vị kỷ: đây là vùng tâm lý hư dối, nhưng người đời ưa nắm giữ.

- Sống rời khỏi lòng dục, xa hưởng thụ, sống vị tha là nếp sống đạo (thực) thì người đời muốn tránh xa.

- Thực ra cái nội dung gọi là nắm giữ hay tránh xa trên chỉ là cái tướng dối, thực của tâm ưa ghét. Tâm ưa ghét thực sự cũng là hư vọng, bụi bấn : với Thượng Sĩ đắc cái tâm "duy tác" (làm mà không tác ý dính mắc, không thủ trước) không nhiễm trần một cách thuần thực tự nhiên như tâm hài đồng của trẻ thơ thì hành giả mới thực sự vào sâu tâm và tuệ giải thoát. Bài kệ "Thị Chúng" này là một bước chỉ dạy xa hơn của Thượng Sĩ.

---o0o---

### **6. Gọi bảo người học đạo (Thị học)**

*" Học giả phân phân bất nại hà,  
Đồ tương linh đích, khổ tương ma.*

*Báo quân lưu ý tha môn hộ,  
Nhất điểm xuân quang, xứ xứ hoa"*

(ibid.,tr.232)

Đỗ văn Hy dịch:

*" Học đạo mêng mang ai có hay  
Gạch đem mài gạch, nhọc nhằn thay!  
Cửa người anh hãy thôi nương dựa,  
Một ánh xuân về hoa đó đây"*

(ibid, tr.233)

Với bài thơ tứ tuyệt này, Thượng Sĩ đã lưu ý người học đạo giải thoát, hành giải thoát cần trọng giác tỉnh ở nhiều ngưỡng cửa phải đi qua:

**a/ Ngưỡng cửa văn tự, khái niệm:** kinh điển, lời Phật, ý Tổ thì có nhiều; tất cả đều là ngón tay chỉ đường, chỉ mặt trăng chân lý: người học đạo phải chóng rời khỏi ngón tay để trở về với mặt trăng chân lý trong tự tâm mình; không có gì bí mật ở đây cả, hành giả chỉ cần mở lớn con mắt giác tỉnh thì liền nhận ra.

**b/ Kinh điển, các lời dạy của Phật, Tổ** là giới thiệu con đường, giới thiệu pháp hành, thể cách sống, mà không phải là chân lý; hành giả cần sống, thực hành mới có nhân duyên tiếp cận chân lý.

**c/ Các pháp hành chỉ là sự chỉ hướng tổng quát** cho mọi người, cho nhiều căn cơ khác nhau, hành giả cần thoát ngay ra khỏi sự câu nệ các hình thức thể hiện, bởi hành là tâm của hành giả hành, vận hành, chuyển dịch, chuyển đổi, mà không phải **cái sự tướng hành**. Thế nên, **bản chất của hành** ở ngoài sự ràng buộc của tuổi tác, phái tính, giai cấp, vị trí xã hội, thời gian, nơi chốn... Hành là để hành giả thực sự làm chủ cái tâm giác tỉnh của mình, làm chủ cái tâm giải thoát và tuệ giải thoát : **khi đã có thể làm chủ cái tâm ấy rồi thì hành giả tự tại hành xử các việc ích đời, lợi đạo, không còn nệ vào pháp nào, con đường nào nữa** : đây là điểm biểu hiện rất nhân bản (trả hành giả về với tự thân hoàn toàn) và rất trí tuệ (đúng pháp, chân an lạc, hạnh phúc).

Không hành xử như thế là hành giả đi vào mờ mịt của tâm thức, mãi gửi mình (phó thác đời mình) ở cửa người, trọn không thể giáp mặt với tánh



sáng trong tâm mình, như là cứ tiếp tục mài gạch mà mong thành gương vậy. Hành xử đúng như thế là hành giả sẽ thấy hoa nở khắp nơi giữa trần gian, giải thoát trong mọi thời. Đây là một kinh nghiệm giải thoát nữa mà Thượng Sĩ để lại cho đời!

---o0o---

### 7. Thoát đời (Thoát thế) (ibid.,tr.243)

Làm chủ cái tâm giải thoát và tuệ giải thoát ấy là thể hiện ý nghĩa giải thoát, thực hiện con đường giải thoát thoát khỏi các ràng buộc của thế tình, của cuộc đời, mà không phải trốn lánh cuộc đời, trốn lánh các thể tướng của đời. Thượng Sĩ đã viết:

#### **Thoát thế**

*"Phiên thân nhất trịch xuất phân lung,  
Vạn sự đơ lô nhập nhãn không.  
Tam giới mang mang tâm liễu liễu,  
Nguyệt hoa Tây một nhật thăng Đông"*

(ibid.,tr.243)

Đào Phương Bình dịch:

*"Xoay mình một ném vượt ra lồng,  
Muôn sự đều không, nhập mắt không.  
Ba cõi thênh thang, lòng sáng rõ,  
Trăng Tây vừa lặn, nhú vàng Đông"*

(ibid.,tr.243)

Trí tuệ giải thoát là trí tuệ thể nhập vào sự thật của tất cả hiện hữu, sự thật duyên sinh vô ngã, vô tự tánh: muôn sự đều không có tự tính của thị, phi, tốt, xấu, cấu, tịnh, phiền não hay bồ đề. Con mắt thấy sự thật vô ngã tánh này gọi là con mắt Không ("Không nhãn") thấu suốt ba cõi Dục, Sắc và Vô Sắc. Cái thấy này tự nó đem lại cho hành giả cảm nhận thanh thản, hạnh phúc, tự tại nên "vô cầu", luôn luôn tự tại mặc cho đêm đi ngày đến, hay đêm đến ngày đi: cuộc đời bấy giờ trở nên mãi đẹp, đẹp hơn cả ước mơ! Đây là giá trị sống mà Thượng Sĩ thấy cần giới thiệu, trao truyền cho dân Việt

như trao sự độc lập giành lại từ tay giặc thù: dân Việt phải thực sự được hạnh phúc giữa cuộc thăng trầm thường có của lịch sử!

---o0o---

### **8. Tự tại (ibid.;tr.241)**

#### **Tự tại**

*" Đẳng thử vô đoan tiêm tiêm xâm  
Quy lai chung lão ký sơn lâm.  
Sài môn mao ốc cư tiêu sái,  
Vô thị vô phi tự tại tâm"*

(ibid.;tr.241)

Đoàn Phương Bình dịch:

*" Nanh chuột giầy bìm cứ lán xâm,  
Về thôi già gởi chốn sơn lâm.  
Nhà tranh cửa liếp phong quang chán  
Phải trái đều không, tự tại tâm"*

(ibid.;tr.242)

Xã hội từ ngàn xưa đến mãi ngàn sau vẫn tiếp tục trôi chảy vô thường như thế, vẫn thị phi, an nguy với vạn phiền muộn và vạn niềm vui mừng manh như thế. Thượng Sĩ vào thời trai trẻ vẫn hành giải thoát, an trú giải thoát mà vẫn xông pha trận mạc để cứu nước cứu dân, vẫn giảng dạy đạo lý tùy căn cơ tiếp nhận. Lúc lão suy thì tự tại lui về am tranh ở vùng non yên tịnh. Với Thượng Sĩ, ở đâu và lúc nào cũng có mặt giải thoát, có nước có dân tùy tâm Thượng Sĩ. Những vô thường, sinh diệt, thị phi ở đời không làm vương bận lòng Người: đến với cuộc đời là đến với pháp giới, từ già xác thân và từ già cuộc đời cũng là đến với pháp giới như thật: chẳng được cũng chẳng mất. Đây là sự thật của mọi người, giúp mọi người trở về với sự tỉnh táo, định tĩnh của tâm.

---o0o---

**9. Phàm Thánh chẳng khác nhau (Phàm Thánh bất dị) (ibid.;tr.285)**

" Thân tòng vô tướng bản lai không.  
Huyễn hóa phân hai thành nhị kiến.  
Ngã nhân tự lộ diệc tự sưng,  
Phàm Thánh như lôi diệc như điện.  
Công danh phú quý đẳng phù vân,  
Thân thể quang âm nhược phi tiền,  
Miết khởi tình nhi tăng ái tình.  
Tự mịch mạn đầu nhi khí miến.  
Mi mao tiêm hoành tỵ khổng thù,  
Phật dữ chúng sanh đô nhất diện.  
Thục thị phàm hê thục thị thánh?  
Quảng kiếp sưu tầm một căn tánh.  
Phi tâm vô thị diệc vô phi,  
Vô kiến phi tà dã phi chính.  
Quảng ngạch đồ nhi Quả nguyện vương,  
Khánh Hỷ tỳ-khuru công đức thánh.  
Giác tha giác tự bạt mê đồ,  
Biển giới thanh lương tô nhiệt bệnh.  
Quân bất kiến,  
Tiền thất giả thị a thù?  
Hậu đắc giả hựu thị thù?  
Lưỡng giá băng tâm nhất ban mệnh.  
Đáo đầu bát vạn tứ thiên đà-la-ni chi pháp môn,  
Đồng nhiếp nhập Như Lai quảng đại viên trí chi kính.  
Đốt!"

(ibid.;tr.285)

Dịch nghĩa:

" Thân từ "vô tướng" vốn là không,  
Vì huyễn hoá mà chia biệt thành nhị kiến.  
Ta và người như móc cũng như sưng,  
Phàm và Thánh như sấm cũng như chớp.  
Công danh và giàu sang đều như mây nổi,  
Thân thể và thánng năm, tựa mũi tên bay.  
Bỗng vì hoa mắt mà nảy sinh tình yêu ghét,  
Giống như tìm bánh bao mà bỏ bột.

*Lông mày ngang, lỗ mũi dọc,  
Phật và Chúng sinh đều một bộ mặt mà thôi.  
Ai là phàm, ai là Thánh?  
Tìm tòi trong quảng kiếp cũng không thấy căn tính.  
Phi tâm, không phải cũng không trái.  
Vô kiến, chẳng tà cũng chẳng chánh.  
Anh đồ tể trán rộng là vua Quả nguyện.  
Tỳ Kheo Khánh Hỷ là thánh công đức.  
Giác ngộ mình và giác ngộ cho người vượt khỏi đường mê,  
Khấp côi mát mẻ và không bệnh tật.  
Ngươi (anh) chẳng thấy  
Kẻ mất trước là ai?  
Kẻ được sau là ai?  
Hai cái tâm sai khác và một cái mệnh như nhau.  
Rốt cục cửa pháp 84.000 đà-la-ni  
Cùng thu vào tâm gương quảng đại viên trí của Như Lai.  
Hét!"*

(ibid.;tr.285-286)

Thượng Sĩ sở dĩ đã trải nghiệm tâm tự tại của một thời trai trẻ và trung niên đầy hào khí, hiên ngang và náo nhiệt, và tâm tự tại của thời lão suy sống ở ẩn trầm lặng với núi đồi, là nhờ Người đã "nhập đạo", đã cùng với đạo bất nhị - cái đạo ở ngoài mọi ngôn ngữ diễn đạt mà Thượng Sĩ từng bảo "Đạo bất tại vấn, vấn bất tại đạo"- Khi đã cùng với đạo không hai không khác, nghĩa là đã đi vào thực tại, thì mọi sự tướng khởi diệt, mọi ý niệm, mọi tư duy, mọi thắc mắc đầy ngã tính đều trở nên như bọt nước quá mỏng manh giữa biển khơi, không còn là vấn đề hiện hữu nữa: tất cả tướng (ngã tướng) tự biến, tự diệt. Đây là kinh nghiệm giải thoát siêu vượt mọi hệ thống tư tưởng, triết học - các hệ thống đã và đang bị kẹt, không có lối thoát, giữa những vấn đề thực và hư, chân và vọng, thánh và phàm, hạnh phúc và khổ đau, bản thể và hiện tượng, thiện và ác, đúng và sai ... - là giải đáp cho các vấn đề lớn nhất của triết học, siêu hình học, và đồng thời cũng là tiếng hồng sư tử chấm dứt vai trò của triết học cổ xưa, cận đại và hiện đại. Đó là tiếng hồng, "Thánh Phàm bất dị", bởi cái gọi là Phàm và cái gọi là Thánh đều là thực tại, đều chứa đầy Thực tại. Cái "khác" (difference) chỉ có ở trong các ngã niệm, vọng niệm, không có gốc gác, đây ắp mộng寐! Đây là điều mà đức Phật Gotama đã tuyên dạy trong kinh tạng Nikāya (Pāli Text Society), "Khi ta thanh tịnh, Ta thấy thế giới thanh tịnh". Thấy thế giới thanh tịnh là thấy Thánh, phàm bất dị, chân như và hiện tượng, tánh tướng bất dị v.v...

Lời tuyên bố của đức Phật là lời tuyên bố về sự thật của thế giới này: thế giới quả là thực tại như thật, là Chân cảnh, là Thánh cảnh, là Phật giới, Phật cảnh dưới cái nhìn của trí tuệ vô chấp thủ (complete detachment) - " Khi ta thanh tịnh" đồng nghĩa với khi Tâm rời khỏi chấp thủ hoàn toàn - Tiếng nói "Thánh phàm bất dị" của Thượng Sĩ là âm vọng của lời dạy của Như Lai.

**Đó là bản "Trung Luận Kệ" của Việt Nam**, hết như "Trung Luận Kệ" của luận sư Long Thọ (xứ Ấn, thế kỷ thứ II Tây lịch). Thượng sĩ hiện ra là một **Long Thọ - Việt Nam** , mà vừa là một thiền sư, một đại thi hào, một nhà siêu tư tưởng.

---o0o---

### *10. Bài ca Tâm và Phật (Phật Tâm ca, ibid.;tr.271)*

#### **Phật Tâm ca**

*" Phật Phật Phật bất khả kiến,  
Tâm Tâm Tâm bất khả thuyết.  
Nhược Tâm sinh thời thị Phật sinh,  
Nhược Phật diệt thời thị Tâm diệt.  
Diệt Tâm tồn Phật thị xứ vô  
Diệt Phật tồn Tâm hà thời yết,  
Dục tri Phật Tâm, sinh diệt Tâm,  
Trực đãi đương lai Di Lặc quyết.*

*Tịch vô Tâm,  
Kim vô Phật;  
Phàm, Thánh, Nhân, Thiên như điện phát.  
Tâm thể, vô thị diệc vô phi.  
Phật tính, phi hư hựu phi thực.*

*Hốt thời khởi (khí),  
|Hốt thời chỉ;  
Vãng cổ lai kim đồ nghĩ nghĩ.  
Khởi duy mai một tổ tông thừa,  
Cánh khởi yêu ma tự gia tùy.*

*Dục cầu Tâm,  
Hư ngoại mịch;  
Bản thể như như tự không tịch.*

Niết bàn sinh tử mạn la lung.  
Phiền não, bỏ đề nhàn đối địch.

Tâm tức Phật,  
Phật tức Tâm,  
Diệu chỉ minh minh đạt cổ cam (kim).  
Xuân lại tự thị xuân hoa tiếu,  
Thu đáo vô phi thu thủy thâm.

Xả vọng tâm,  
Thủ chân tính.  
Tự nhân tâm ảnh nhi vong kính.  
Khởi tri ảnh hiện kiến trung lai,  
Bất giác vọng tòng chân lý bính.  
Vọng lai, phi thực diệt phi hư.  
Kính thụ, vô tà diệt vô chính.

Dã vô tội,  
Dã vô phúc;  
Thác tử ma-ni kiêm bạch ngọc.  
Ngọc hữu hà hề, châu hữu loại,  
Tính để vô hồng diệt vô lục.

Diệt vô đắc,  
Diệt vô thất.  
Tứ thập cứu lai thị thất thất.  
Lục độ vạn hạnh hải thượng ba,  
Tam độc cứu tình không lý nhật.

Mặc mặc mặc,  
Trầm trầm trầm;  
Vạn pháp chi tâm tức Phật tâm.  
Phật tâm khước dữ ngã tâm hợp.  
Pháp nhĩ như nhiên cắng cổ cam (kim).

Hành diệt thiên,  
Tọa diệt thiên;  
Nhất đóa hồng lô hỏa lý liên.  
Một ý khí thời thêm ý khí,  
Đắc an tiện xử thả an tiên.

*Di di di  
Đốt đốt đốt;  
Đại hải trung âu nhàn xuất một.  
Chư hành vô thường nhất thiết không,  
Hà xứ tiên sư mịch linh cốt.*

*Tinh tinh trước,  
Trước tinh tinh;  
Tứ lãng tạp địa vật khi khuynh.  
A thùy ư thử tín đắc cập,  
Cao bộ Tỳ-lư đỉnh thượng hành.  
Há?!*

\*

Huệ Chi dịch :

*Phật! Phật! Phật! Không bóng hình (không thể thấy)  
Tâm! Tâm! Tâm! ngoài ngôn thuyết.  
Nếu Tâm sinh là Phật sinh,  
Bằng Phật diệt ấy Tâm diệt.  
Diệt Tâm còn Phật chuyện này không,  
Diệt Phật còn Tâm, bao thuở hết.  
Muốn biết Tâm Phật, Tâm sinh diệt  
Hãy đợi về sau, Di Lạc quyết.*

*Trước không Tâm,  
Nay không Phật;  
Phàm, Thánh, Trời, Người như chớp giạt.  
Thế Tâm, không thị cũng không phi.  
Tính Phật, chẳng hư cũng chẳng thật.*

*Bỗng vụt dấy,  
Bỗng ngừng nhanh;  
Nay lại, xưa qua luống quản quanh.  
Đâu chỉ chôn vùi nếp tông tổ,  
Còn gọi yêu ma về lộng hành.*

*Muốn tìm Tâm,  
Ngoài chớ hỏi (chớ kiếm)  
Thế tính lạng không, không biến đổi.*

Niết bàn, sinh tử buộc ràng sông,  
Phiền não, Niết bàn, đối nghịch đối.

Lòng (tâm) là Phật,  
Phật là lòng (tâm);  
Diệu chỉ sáng thiêng kim cổ thông.  
Xuân đến, tự nhiên hoa xuân nở,  
Thu sang, đâu chẳng nước thu trong.

Bỏ vọng tâm,  
Cầm chân tính;  
Khác gì tìm bóng bỏ quên gương.  
Nào biết gương kia lông bóng nọ,  
Không hay vọng vốn từ chân sanh.  
Không thực không hư là vọng đó,  
Chẳng tà, chẳng chánh, gương in hình.

Cũng không tội,  
Cũng không phúc,  
Lâm vì hạt trai cùng bạch ngọc.  
Ngọc thì có vết, trai có tỳ,  
Tính vốn không hồng, cũng không lục.

Cũng không được!  
Cũng không mất!  
Bảy bảy, bốn chín là đồng nhất  
Muôn hạnh, sáu độ sóng trùng dương,  
Ba độc, chín tình là vàng nhật.

Lắng! Lắng ! Lắng!  
Trầm! Trầm! Trầm!  
Tâm của muôn loài tức Phật Tâm.  
Tâm Phật, tâm ta cùng kế hợp,  
Pháp vẫn y nguyên suốt cổ kim.

Đi cũng thiên!  
Ngồi cũng thiên!  
Trong lò lửa đỏ một bông sen.  
Ý khí mất đi thêm ý khí,  
Được chón ở yên hãy ở yên.



*Chà! Chà! Chà!  
Ồi! Ổi! Ổi!  
Bọt trong biển cả thấy chìm nổi.  
Muôn pháp vô thường hết thấy không.  
Linh cốt biết đâu tiên sư lỗi.*

*Tỉnh! Thức! Thức!  
Thức! Tỉnh! Tỉnh!  
Bàn chân dẫm đất đừng chống chénh.  
Ai người tin tưởng ở nơi đây.  
Bước trên đầu Phật trèo trên đỉnh.  
Hét!*

(ibid.; tr.375-377)

\*\*\*

Nếu tâm người sạch hết chấp thủ các ngã tướng, sạch lậu hoặc, thì thế giới của mọi dị biệt của thực, hư, thị, phi, v.v....liên biến diệt như sự biến diệt của cảnh mộng khi tâm người ấy ra khỏi chiêm bao. Bây giờ, thế giới trước người ấy, gồm tâm và cảnh, là thật cảnh: Tâm ấy, Tuệ ấy là Tâm Phật, Tuệ Phật và là Phật; cảnh ấy là cảnh Phật và là Phật. Đây là những gì mà Thượng Sĩ đã cảm nghiệm qua "Phật Tâm Ca", và là những gì mà Kinh Hoa Nghiêm dạy: "Tâm, Phật, Chúng sinh, tam vô sai biệt" - Tâm, Phật và Chúng sinh, cả ba không khác biệt - Khi cả ba không khác biệt, thì không thể nói có một thực thể (entity) Tâm riêng, một thực thể Phật riêng, và một thực thể của các hiện hữu Chúng sinh riêng. Vì thế mà không thể có mặt một thực thể chân vọng, hư, thực, thị, phi, v.v... nào ở đây, điều mà Thượng Sĩ đã quyết:

*" Tịch vô Tâm,  
Kim vô Phật;  
Phàm, Thánh, Nhân, Thiên như điện phát.  
Tâm thể, vô thị diệt vô phi.  
Phật tính, phi hư hựu phi thực"*

*(" Trước không Tâm,  
Nay không Phật;  
Phàm, Tánh, Người, Trời như chớp giật.  
Thế tâm, không thị cũng không phi (không "là", không "không là")  
Tính Phật, chẳng hư cũng chẳng thật")*

Với tâm còn chấp trước, còn lậu hoặc thì Tâm, Phật, Chúng sinh đều xuất hiện là ngã tướng, ngã tính của ngã niệm. Với người ấy, Tâm ấy, không thể thấy được "Tâm, Phật, Chúng sinh, Tam vô sai biệt", mà phải chờ thời điểm các ngã niệm tan sạch, điều mà Thượng Sĩ bảo là chờ đến đức Phật Di Lặc ra đời giải quyết:

*"Dục tri Phật Tâm, sinh diệt Tâm,  
Trực đãi đương lai Di Lặc quyết"  
("Muốn biết Tâm Phật, Tâm sinh diệt  
Hãy đợi về sau Di Lặc quyết")*

Thế mới rõ "Phật Tâm Ca" đang đánh thức hành giả ra khỏi cơn mê ngã niệm, đang nhắc nhở hành giả trở về với công phu ách yếu của mình là tẩy sạch ngã niệm, tẩy sạch các cấu nên đang phủ mờ Tâm, mà không phải là hỏi, là suy nghiệm (lự), là tìm cầu ở ngoài, hãy ngưng ngay các cuộc chạy vạy kiếm tìm:

*"Dục cầu Tâm,  
Hựu ngoại mịch;  
Bản thể như như tự không tịch,  
Niết bàn, sinh tử mạn la lung.  
Phiền não, bỏ đề nhàn đối địch"*

*("Muốn tìm Tâm,  
Ngoài chờ hỏi;  
Thể tính lặng không, không biến đổi.  
Niết bàn, sinh tử, buộc ràng sông,  
Phiền não, Niết bàn, đối nghịch đối")*

Ngã niệm là thuộc vọng, không thật có, không có gốc. Nó hiện hữu như mộng, tỉnh tâm thì nó liền tan. Hãy thức tỉnh! Thế thôi! như Thượng Sĩ đã chứng nghiệm:

*"Tinh tinh trước,  
Trước, tinh tinh;  
Tứ lạng tạp địa vật khi khuynh.  
A thùy ư thử tín đắc cập,  
Cao bộ Tỳ lu đỉnh thượng hành.  
Há?!"*

*( " Tỉnh, thức! thức!  
Thức! Tỉnh! Tỉnh!  
Bàn chân dẫm đất đừng chống chénh.  
Ai người tin tưởng ở nơi đây.  
Bước trên đầu Phật, trèo trên đỉnh.  
Hét!)*

Tiếng nói Phật pháp của Thượng Sĩ rất thực, từ chứng nghiệm? tự thân, và hẳn là rất "bạo", rất uy dũng, chỉ dành riêng cho các căn cơ trí tuệ cao từng thực hiện giải thoát, và từng có khát vọng giải thoát mãnh liệt. Tiếng nói ấy vốn đã vạch rõ con đường vào Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát cho các tu sĩ Phật giáo Việt Nam như là một đường bay, hay một đường thẳng của tàu điện xuyên sơn, tuyệt nhiên không quanh co vẽ vờ. Nó truyền vào hậu thế một sức sống đạo mạnh mẽ, nhưng hiện tại sức sống đó đang ngủ yên trên những trang sách, và đang chờ đánh thức!

---o0o---

### ***11. Sống, Chết là lẽ thường (Sinh tử nhàn nhi dĩ: ibid.;tr. 282-284) :***

*"Tâm chi sinh hê, sinh tử sinh,  
Tâm chi diệt hê, sinh tử diệt.  
Sinh tử nguyên lai tự tính không,  
Thử huyền hóa thân diệc đương diệt.  
Phiền não, bồ đề ám tiêu ma,  
Địa ngục thiên đường tự khô kiệt.  
Hoạch than, lô thán, đốn thanh lương.  
Kiếm thụ đao sơn lập tội chiết.  
Thanh văn tọa thiền, ngã vô tọa,  
Bồ tát thuyết pháp, ngã thực thuyết.  
Sinh tự vọng sinh, tử vọng tử.  
Tứ đại bản không tông hà khởi?  
Mạc vi khát lộ sơn dương diễm.  
Đông tẩu tây trì vô tạm dĩ.  
Pháp thân vô khứ diệc vô lai,  
Chân tính vô phi diệc vô thị.  
Đáo gia tu tri hải vấn trình,  
Kiến nguyệt an năng khổ tâm chi.  
Ngu nhân điên đảo bố sinh tử,  
Trí giả đạt quan nhàn nhi dĩ.*

*Ngũ nhân điên đảo bố sinh tử  
Trí giả đạt quan nhàn nhi dĩ."*

(ibid.;tr.282)

Huệ Chi dịch:

*" Khi tâm sinh chừ sinh tử sinh.  
Khi tâm diệt chừ sinh tử diệt.  
Sinh tử xưa nay tính vốn không,  
Hư huyền thân này rồi cũng hết.  
Phiền não, bỏ để dần tiêu mòn,  
Địa ngục thiên đường tự khô kiệt.  
Lò lửa, vạc dầu tự êm ru,  
Núi kiếm rừng dao bỗng gãy tiết.  
Thanh văn ngôi thiên ta không ngôi,  
Bồ tát nói pháp, ta nói thiệt.  
Sống là sống dối, chết: chết dối.  
Tứ đại vốn không, từ đâu nói?  
Đừng như hươu khát rượt "bóng sông",  
Chạy quanh không nghỉ khắp Tây, Đông.  
Pháp thân không qua, cũng không lại,  
Chân tính không trái cũng không phải.  
Đến nhà, thôi chớ hỏi con đường.  
Thấy trăng, tìm gì ngón tay chỉ.  
Người ngu điên đảo sợ tử, sinh,  
Bậc trí, tử sinh là thường thôi vậy.  
Người ngu điên đảo sợ tử sinh,  
Bậc trí, tử sinh là thường thôi vậy;"*

(ibid.;tr.283)

Con đường sống mà Thượng Sĩ nói đến ở trên, và sự giác tỉnh về sự thật của con người và cuộc đời được đề cập trong thi, kệ của Người, là những gì giúp hành giả giải quyết êm ả hai vấn đề lớn ở đời: sinh và tử. Tất cả đều phát sinh từ "cái nhìn" (regards) Duyên sinh, thấy rõ vạn hữu đều duyên sinh, chúng thực sự không hiện diện, mà chỉ có một pháp giới duyên khởi đang vận hành: tâm, thân, ta, người, sống, chết, vui, khổ, qua, lại v.v... là các ngã tướng nên thật sự không có, mà chỉ các duyên trôi chảy kết hợp ra những thứ gọi là các ngã tướng ấy. Thấy rõ như vậy thì hành giả giác tỉnh ngay rằng:

cái tâm, cái ta... còn chưa có, thì làm gì có tâm sinh, tâm diệt, ta sinh, ta diệt. Cũng thế, sinh và tử còn chưa có, làm gì có sự sợ sinh tử; tử đại không thật có thì làm gì có những thứ do tứ đại hợp thành tạo nên. Cái thấy trí tuệ này tự nó an nhiên, tự tại, khoái hoạt, tự nó giải quyết mọi vấn đề mà ngã tướng của con người dựng nên: tất cả thắc mắc, ước mơ, sợ hãi.v.v... sẽ đều tắt ngấm, đều tịch diệt!

Thượng Sĩ đã sống vững trú trong tâm giác tỉnh, trong cái nhìn trí tuệ kia nên sinh tiền đã tự tại sống (như bài Phóng Cuồng Ca ghi) và tự tại chết. Thiền đã có mặt trong bốn oai nghi của Thượng Sĩ thì hà tất phải ngồi thiền? Tuệ đã có mặt trong cái nhìn của Thượng Sĩ nên nhìn đâu cũng gặp thực tướng, thì hà tất phải nói pháp? - bởi chỉ cần nói rất thường, với ngôn ngữ tự nhiên thường nhật, là thực chất đã là nói pháp.

Rời khỏi cái nhìn Duyên Khởi và sự giác tỉnh Duyên Khởi thì người đời sẽ rơi vào thế giới của ngã tướng, ngã tướng, vốn rất điên đảo mộng mị, từ đó khởi sinh vạn điên đảo tâm khác như ưa, ghét, buồn, vui, sợ hãi, ham muốn v.v... Thấy rõ điều này Thượng Sĩ viết nên bài "Sinh tử nhàn nhi dĩ" rọi sáng cho hậu thế của quê hương Luy Lô-Yên Tử.

---o0o---

### **III - Kết luận về con đường Phật học của Thượng Sĩ**

Từ cuộc sống giải thoát của Điều Ngự (xem bài "Trần Nhân Tông, Sở đắc giải thoát và Tư tưởng Phật học", cùng tác giả) và của Thượng Sĩ Tuệ Trung, một số nét Thiền định Phật giáo đời Trần rất tiêu biểu biểu hiện rõ:

1. Con đường giải thoát Giới, Định, Tuệ được thực hiện suốt cuộc đời của mỗi cá nhân, bất luận ở vị trí nào trong xã hội, rất thiện xảo tùy duyên: Điều Ngự học Phật học chuyên chú từ nhỏ, nuôi sống sự giác tỉnh giải thoát từ nhỏ; theo dõi tâm, kiểm soát tâm và chế ngự tâm lúc làm Thái tử, làm Vua, làm Thái thượng hoàng, rồi tiếp xuất gia thực hành Giới, Định, Tuệ đầy đủ cả hai mặt tướng và tâm. Điều ngự thực hành giải thoát kết hợp với công việc thi hành việc nước (xã hội) - giữ nước và dựng nước - và công việc thuyết pháp độ sanh, tổ chức trang nghiêm Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Thượng Sĩ cũng chuyên tâm học Phật từ nhỏ dưới sự chỉ dẫn của thiền sư Tiêu Dao và nuôi sống sự giác tỉnh giải thoát từ đó; tiếp tục phát triển trí tuệ trong đời sống gia đình, đời sống của một tướng lãnh, quan chức triều đình

giữa ba cuộc chiến chống ngoại xâm Nguyên - Mông; rồi an trú trong trí tuệ giải thoát tại Dưỡng Chân Trang yên tịnh; tùy duyên độ đời.

Cả hai thiền sư hầu như tâm đã sớm trọn lành và ổn định (cận định từ trẻ), nên sinh thời chỉ thuần hành thiền quán: nói đúng là hành "Tác ý như lý" (tác ý đúng pháp). Đây là công phu hành "Thất giác chi" như đã được giới thiệu từ Tương Ứng bộ kinh, tập V, Nikàya, Pàli Text Society, hành trong mọi oai nghi hằng ngày. Theo thời gian phát triển, tâm hành giả sẽ lần lượt vào Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Hỷ giác chi, Khinh an giác chi, Định giác chi và Xả giác chi: hành giả an trú tự nhiên trong Giới học và Định học, các lậu hoặc sẽ lần lượt bị loại trừ; ở giai đoạn Xả giác chi, các Thánh quả sẽ dần dần được chứng đắc. Công phu giải thoát này phù hợp với các cấp độ của hàng căn cơ trí tuệ. Với trí tuệ sâu và ý chí mạnh, thì Thất giác chi chóng thành tựu. Khi Niệm giác chi và Trạch pháp giác chi thành tựu là khi hành giả thành tựu phần công phu căn bản của Thiền định Tứ niệm xứ.

Nét nổi bật của Điều Ngự và Thượng Sĩ, vì thế, là nét thực hiện "Chỉ" (Samatha) và "Quán" (Vipassana) song hành. Ở đây tiếng nói của trí tuệ Duyên Sinh, Vô ngã thường hiện rõ.

2. Tiếng nói trí tuệ ấy khởi đầu từ sự bừng ngộ, giác tỉnh rằng các hiện hữu chỉ là sự hiện diện của vô lượng nhân duyên mà không phải là các thực hữu (entities) như người đời thường tưởng. Giác tỉnh ấy được nuôi dưỡng liên tục, từ đó các tâm lý cấu uế như tham lam, sân hận, si mê, xan, tham, tật đố, ngã mạn, vị kỷ, v.v..., bị loại bỏ sạch. Nói theo ngôn ngữ của tông Pháp tướng Duy Thức, tại đây hành giả đã rời khỏi cái nhìn "biến kế" và an trú vào cái nhìn "y-tha khởi". Công phu "Thất giác chi" được khởi động từ đó.

3. An trú vào giác tỉnh, không dính mắc vào sắc thân, cảm thọ, tư duy, danh vọng, lợi lộc, hành giả tiếp tục xúc tiếp và giác sát tự thân và xã hội. Càng giác sát, càng thêm thức tỉnh mạnh. Càng thức tỉnh mạnh, hành giả càng đi sâu vào tâm "tử bỏ" (không dính mắc), làm chủ tâm thức mình, tùy duyên mà hành xử việc đời, việc đạo với tâm thuần lương, từ ái, với tư duy vô dục, vô sân và vô hại. Nếp sống, nếp hành này biểu hiện rõ ràng tính người (nhân bản), rất hiện tại, hiện thực rất trí tuệ, và qua Điều Ngự, Thượng Sĩ còn là rất Việt Nam.

4. Nếp sống, nếp hành này luôn luôn bao hàm sự trưởng dưỡng tinh thần trách nhiệm cá nhân cao; tinh thần tự chủ, độc lập cao; và tinh thần tự tri,

sáng tạo cao. Đây là các tinh thần giáo dục tốt đào tạo nên các thể hệ công dân tốt: khi các tâm lý cấu uế kể trên bị loại trừ, thì các tâm lý tiêu cực làm đẩy lên các hiện tượng tiêu cực của xã hội cũng bị loại trừ, tâm lý vô chấp và vị tha phát triển, rất thuận lợi cho công việc thực hiện đại đoàn kết dân tộc như đã từng được thể hiện dưới hai triều đại Lý, Trần.

Đối với những công dân bình thường với trí tuệ yếu, ý chí bình thường và với những ước mơ bình thường, đi theo nếp sống của Điều Ngự, Thượng Sĩ cũng có thể thành tựu phần đạo đức thực dụng của Phật giáo (chéngự ham muốn, mở rộng tâm khoan dung, vị tha) áp dụng tốt đẹp vào xã hội Việt Nam.

Đối với những công dân trí tuệ có nghị lực và ý chí cao, họ có thể trải nghiệm những gì mà Điều Ngự và Thượng Sĩ đã trải nghiệm, họ có điều kiện để giáp mặt với an lạc, thanh thản, hạnh phúc trong từng bước đi, không có trở ngại vì phải từ bỏ tâm thế tục.

5. Ngôn ngữ biểu đạt sự thủ đắc giải thoát của Thượng Sĩ rất mạnh, rất bạo, có tác dụng đánh thức người nghe - những hành giả đang trên đường thực hành công phu giải thoát - như là:

- "... *Dã vô tội,  
Dã vô phúc;*"

(*ibid.*;tr.27

*(Không có tội,  
Không có phúc;)*

- "*Trì giới kiêm nhẫn nhục,  
Chiêu tội bất chiêu phúc.*"

(*ibid.*;tr.290)

*(Trì giới và nhẫn nhục,  
Chuốc tội, chẳng chuốc phúc)*

- "*Yến đắc nhất cao siêu bỉ ngạn,  
Hiếu tham đồng tử hiện tiền nhân.*"

(*ibid.*;tr.231)

*(Nếu muốn vượt lên cao sang bờ bên kia,  
Hãy hỏi đũa trẻ lơ ở ngay trước mặt)*

*- " Thanh văn tọa thiền ngã vô tọa,  
Bồ tát thuyết pháp, ngã thực thuyết. "*

(ibid.; tr.282)

*( Thanh văn ngồi thiền, ta không ngồi,  
Bồ tát nói pháp, ta nói thực)*

Ngôn ngữ nghe có làn hơi bạc hãnh, nhưng diễn đạt rõ sự tình rằng Thượng Sĩ đã đến bờ bên kia, nói rõ "những gì cần làm đã làm xong" ("Sở tác dĩ biện") của một Thánh A-la-hán. Hầu như cũng cùng một sở chứng, sở đắc này, trước phút viên tịch Điều Ngự lại nói với lời lẽ trang nghiêm của một nhà mô phạm, rằng:

*" Nhất thiết pháp bất sinh,  
Nhất thiết pháp bất diệt.  
Nhược năng như thị giải,  
Chư Phật thường hiện tiền.  
Hà khứ lai chi hữu. "*

(ibid.;tr.395)

*(Mọi pháp đều không sinh,  
Mọi pháp đều không diệt.  
Nếu hiểu rõ như thế  
Thì thấy chư Phật thường hiện diện.  
Có đi lại, sinh diệt gì đâu? (!) )*

Thượng Sĩ và Điều Ngự thực sự đã đến bờ bên kia!

Nhị vị Thượng nhân quả nhiên đã để lại những kinh nghiệm giải thoát và kinh nghiệm "sống đời vui đạo" rất giá trị trên thi đàn Việt Nam, trong Văn học Phật giáo Việt Nam.



Tỳ kheo Thích Chơn Thiện  
Trúc Lâm Thiền Viện - Paris  
Tháng 3/2003